

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3736/UBND-NV  
V/v góp ý dự thảo Quy định đánh  
giá xác định chỉ số CCHC cấp xã

Đắk Glong, ngày 09 tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Thành viên Ban chỉ đạo CCHC huyện;
- Các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc;
- Ủy ban nhân dân các xã.

Ủy ban nhân dân huyện nhận được dự thảo Quy định đánh giá xác định chỉ số CCHC cấp xã huyện Đắk Glong do Tổ soạn thảo Quy định đánh giá xác định CCHC của Ủy ban nhân dân cấp xã huyện Đắk Glong (theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND huyện; *Gửi kèm*).

Để hoàn thiện dự thảo trước khi ban hành, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu thành viên Ban chỉ đạo CCHC huyện, các Phòng, Ban, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, góp ý hoàn thiện dự thảo.

Văn bản góp ý của thành viên Ban chỉ đạo CCHC huyện, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã gửi UBND huyện (qua Phòng Nội vụ), **trước ngày 20/11/2021**, để hoàn thiện, ban hành.

Nhận được văn bản, thành viên Ban chỉ đạo CCHC huyện, các Phòng, Ban, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Trần Nam Thuận**

**Phụ lục**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ /2021 của UBND huyện Đắk Glong)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>15.5</b>			
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>3.5</b>			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1.0			Kế hoạch CCHC.
-	Ban hành kế hoạch kịp thời (Trước ngày 15/01 của năm ban hành kế hoạch): 1.0				
-	Ban hành không kịp thời: 0.0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1.0			Kế hoạch CCHC.
-	Đạt yêu cầu theo quy định của UBND huyện (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC, cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 1				
-	Không đạt yêu cầu: 0.0				
1.1.3	Thực hiện Kế hoạch	1.5			- Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu liên quan khác (nếu có).
-	Hoàn thành từ 80%-100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành*1.5/100%).				
-	Hoàn thành dưới 80%: 0.0				
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>4.0</b>			
-	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 4.0				- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu trên: 0.				
<b>1.3</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>3.0</b>			
1.3.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC	1.0			Kế hoạch tuyên truyền.
-	Ban hành đầy đủ, kịp thời nội dung theo quy định: 1				
-	Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch không đúng quy định: 0.				
1.3.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	2.0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 1.0				Báo cáo CCCH năm.
-	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức khác: 1.0				
<b>1.4</b>	<b>Sáng kiến giải pháp mới trong công tác CCHC</b>	<b>2.0</b>			Có sáng kiến, giải pháp kèm theo.
	Trong năm có từ 02 sáng kiến, giải pháp mới trở lên: 2.0				
	Trong năm có từ 01 sáng kiến, giải pháp mới trở lên: 1.0				
	Trong năm không có sáng kiến, giải pháp: 0.0				
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên giao</b>	<b>3.0</b>			Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Nội vụ.
	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm, không bị phê bình nhắc nhở: 3.0				
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao, nhưng bị phê bình nhắc nhở nhưng không quá 01 lần/năm: 1.0				
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0.0				
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>8.0</b>			
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)</b>	<b>3.0</b>			- Báo cáo kết quả công tác tư pháp năm hoặc văn bản khác. - Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	2.0			
-	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 1.0				
-	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1.0				
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.0			Kế hoạch theo dõi THPL; Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
-	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1.0				
-	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.0				
<b>2.2</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL sau rà soát</b>	<b>2.5</b>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 70%-100% số văn bản đã được xử lý, kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức (Tỷ lệ văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý*2.5/100%).				Kế hoạch rà soát văn bản QPPL; Báo cáo kết quả thực hiện.
-	Dưới 70% văn bản đã được kiến nghị xử lý: 0				
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra</b>	<b>2.5</b>			
	Từ 70%-100% số văn bản đã được xử lý, kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức (Tỷ lệ văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý*2.5/100%).				Báo cáo kết quả thực hiện.
	Dưới 70% văn bản đã được kiến nghị xử lý: 0.0				
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>19.0</b>			
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định của thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2.0</b>			
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.0			- Kế hoạch kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Ban hành đúng quy định (trước ngày 25/01): 1.0				
-	Không đúng quy định: 0.0				
3.1.2	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Đúng quy định: 1.0				
-	Không đúng quy định: 0				
<b>3.2</b>	<b>Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính</b>	<b>2.0</b>			
3.2.1	Việc triển khai thực hiện	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Ban hành đúng quy định (trước ngày 25/01): 1.0				
-	Không đúng quy định: 0.0				
3.2.2	Báo cáo kết quả thực hiện	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC, Báo cáo CCHC năm; - Các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.
-	Có báo cáo kết quả thực hiện: 1.0				
-	Không có báo cáo: 0.0				
<b>3.3</b>	<b>Công khai TTHC</b>	<b>2.0</b>			
3.3.1	TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	1.0			- Báo cáo kiểm soát TTHC; báo cáo CCHC năm;

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	100% TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định: 1.0				hình ảnh minh họa, đường link...; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của huyện.
-	Dưới 100%: 0				
3.3.2	Công khai mức phí, lệ phí (nếu có).	1.0			
-	Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1.0				
-	Không đầy đủ, kịp thời: 0.0				
<b>3.4</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>8.5</b>			
3.4.1	Thực hiện cơ chế một cửa	2.0			
-	100% TTHC cấp xã thực hiện đúng quy trình: 2.0				- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Đoàn kiểm tra.
-	Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0.0				
3.4.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	2.0			
-	100% TTHC cấp xã thực hiện đúng quy trình: 2.0				- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện, Đoàn kiểm tra.
-	Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0.0				
3.4.3	Ứng dụng quy trình điện tử trong xử lý, giải quyết TTHC: 0.5	0.5			Ứng dụng thực tế trên Phần mềm điện tử.
3.4.4	Kết quả giải quyết TTHC	3			
	Từ 95%-100% số TTHC cấp xã được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % số TTHC được giải quyết đúng hạn*3/100%).				- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Dưới 95% số TTHC được giải quyết đúng hạn	0.0			
3.4.5	Cập nhật kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	1.0			
-	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 1.0				- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC; báo cáo kết quả ứng dụng CNTT năm; - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.
-	Không cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 0.0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>3.5</b>	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	<b>1.0</b>			
3.5.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN	0.5			
-	<i>Thực hiện theo quy định: 0,5</i>				
-	<i>Không thực hiện: 0</i>				
3.5.2	Thực hiện tiếp nhận, xử lý PAKN	0.5			
-	<i>Có 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 0,5</i>				
-	<i>Dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 0.0</i>				
-	<i>Không có phản ánh, kiến nghị: 1.0</i>				
<b>3.6</b>	<b>Thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết TTHC sai sót, trễ hạn</b>	<b>2.0</b>			
	<i>Từ 80%-100% số TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % số TTHC trễ hạn được xin lỗi*2/100%)</i>				
	<i>Dưới 80% TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn được xin lỗi: 0.0</i>				
	<i>Trong năm không có TTHC giải quyết sai sót, trễ hạn: 2.0</i>				
<b>3.7</b>	<b>Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC</b>	<b>1.5</b>			
	Kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1.5			
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt từ 90% - 100%: 1.5</i>				
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt từ 80% đến dưới 90%: 1.0</i>				
	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đạt dưới 80%: 0.0</i>				
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>15.5</b>			
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về cơ cấu tổ chức ở cấp xã</b>	<b>3.0</b>			
	<i>Đúng quy định: 3</i>				
					- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC; - Tài liệu khác nếu có (hình ảnh minh họa...); các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị.
					- Văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân. - Báo cáo, kết quả theo dõi của Văn Phòng HĐND-UBND huyện.
					- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND-UBND huyện. - TLKC khác (nếu có).
					- Báo cáo CCHC định kỳ; các văn bản thực hiện sắp xếp TCBM; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ; các Đoàn

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				kiểm tra.
4.2	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao</b>	2.5			
	<i>Bố trí biên chế không vượt quá số lượng được quy định: 2.5</i>				Báo cáo CCHC; kiểm tra, theo dõi của Phòng Nội vụ.
	<i>Bố trí vượt quá số lượng quy định: 0</i>				
4.3	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	3.0			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do cấp có thẩm quyền ban hành	1.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1.5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.5			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4.4	<b>Đánh giá về việc thực hiện Quy chế làm việc của</b>	2.0			
-	<i>Có quy chế làm việc: 2</i>				
-	<i>Không có quy chế làm việc: 0</i>				
4.5	<b>Tổ chức đối thoại với nhân dân (theo quy định tại Điều 125, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015)</b>	3.0			
4.5.1	UBND xã ban hành Kế hoạch thực hiện	1.0			
-	<i>Có ban hành Kế hoạch: 1</i>				
-	<i>Không ban hành Kế hoạch: 0</i>				
4.5.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch	2.0			
-	<i>Đạt 100% kế hoạch đề ra: 1.5</i>				
-	<i>Đạt 90% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>				
-	<i>Đạt dưới 90% kế hoạch: 0.0</i>				
4.6	<b>Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ</b>	2.0			
					Biên bản, kết luận Hội nghị và các văn bản liên

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	<i>Tổ chức trước 31/12 hàng năm: 1.0</i>				quan.
-	<i>Thực hiện đầy đủ nội dung theo quy định: 1.0</i>				
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	14.5			
5.1	<b>Bố trí công chức cấp xã đã được tuyển dụng</b>	2.0			Báo cáo CCHC; qua kiểm tra theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	<i>Đúng quy định: 2.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.2	<b>Thực hiện quy định về chuyển xếp ngạch, bậc lương đối với cán bộ, công chức</b>	1.0			Các tài liệu liên quan đến công tác tuyển dụng.
-	<i>Đúng quy định: 1.0</i>				
-	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.3	<b>Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</b>	2.0			- Báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả đánh giá phân loại cán bộ, công chức - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
5.3.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ công chức theo đúng quy định	1.0			
	<i>Đúng quy định: 1.0</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0.0</i>				
5.3.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	1.0			- Báo cáo CCHC năm; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách trở lên: 1.0</i>				
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật khiển trách trở lên: 0.0</i>				
5.4	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	2.5			Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng; Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
5.4.1	Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã	1.0			
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1.0</i>				
-	<i>Không kịp thời, đúng quy định: 0.0</i>				
5.4.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch	1.5			
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100%: 1.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80%: 0.0</i>				



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>5.5</b>	<b>Về chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>3.0</b>			
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của đội ngũ cán bộ cấp xã	1.5			Báo cáo CCHC; Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.5</i>				
	<i>90%-100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.0</i>				
	<i>Dưới 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.0</i>				
5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của đội ngũ công chức cấp xã	0.5			
-	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.5</i>				
-	<i>90%-100% công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 1.0</i>				
-	<i>Dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.0</i>				
<b>5.6</b>	<b>Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức trên hệ thống phần mềm thông tin quản lý CBCC,VC của tỉnh (sau khi có văn bản chỉ đạo)</b>	<b>2.0</b>			- Báo cáo CCHC; '- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	<i>Cập nhật đầy đủ 100%: 2.0</i>				
-	<i>Cập nhật từ 90 - dưới 100%: 1.0</i>				
-	<i>Cập nhật dưới 90%: 0.0</i>				
<b>5.7</b>	<b>Thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND huyện</b>	<b>2.0</b>			
-	<i>Tinh giản đủ số lượng: 2.0</i>				- Báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
-	<i>Không đủ số lượng: 0.0</i>				
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>7.5</b>			
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>5.5</b>			
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	2.0			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 95% trở lên so với kế hoạch được giao: 2.0</i>				
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70-dưới 95%: 1.0</i>				
	<i>Giải ngân dưới 70% so với kế hoạch: 0.0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2.0			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
-	Đạt 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 1.5				
-	Từ 80% - dưới 100% số tiền nộp NSNN: 1.0				
-	Dưới 80% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0				
6.1.3	Thực hiện cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính cấp xã	1.5			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	Không có sai phạm: 1.5				
	Có sai phạm: 0.0				
6.2	Thực hiện cơ chế khoán kinh phí hành chính tại UBND cấp xã	2.0			- Báo cáo CCHC; kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	Thực hiện đúng quy định: 2.0				
	Không thực hiện: 0.0				
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH</b>	<b>14.50</b>			
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)</b>	<b>5.5</b>			
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm	1.0			Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.
-	Kịp thời, đúng quy định: 0,5				
-	Không kịp thời, đúng quy định: 0				
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1.0			Báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng CNTT.
-	Hoàn thành từ 80%-100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành*1.0/100%).				
-	Dưới 80% kế hoạch: 0.0				
7.1.3	Báo cáo công tác ứng dụng công nghệ thông tin	0.5			
-	Thực hiện theo quy định: 0,5				
-	Không thực hiện: 0.0				
7.1.4	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT:

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
-	100% văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử				- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Dưới 100%: 0.0				
7.1.5	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Từ 80% cán bộ, công chức cấp xã sử dụng: 1.0				
-	Từ 70% - dưới 80% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã sử dụng: 0,5				
-	Dưới 70%: 0.0				
7.1.6	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số	1.0			- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	100% lãnh đạo, quản lý (Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã) sử dụng: 1.0				
	Dưới 100% lãnh đạo, quản lý (Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã) sử dụng: 0.0				
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>2.0</b>			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	Từ 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 1.0				
	Dưới 20% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.0				
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
-	Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0				
-	Dưới 5% số hồ sơ TTHC: 0.0				
<b>7.3</b>	<b>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	<b>3.0</b>			
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1.0			- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-
	Từ 40% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1.0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 20% - dưới 40% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>				UBND huyện.
	<i>Dưới 20% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.0</i>				
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1.0			
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0.0</i>				
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1.0			Báo cáo kiểm soát TTHC; '- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND-UBND huyện.
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.0</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0.0</i>				
<b>7.4</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015</b>	<b>4.0</b>			- Kết quả theo dõi của Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng Kinh tế - Hạ tầng - Các tài liệu liên quan khác (nếu có).
7.4.1	Công bố ISO 9001:2015	2.0			
	<i>Đã công bố: 2.0</i>				
	<i>Chưa công bố: 0</i>				
	<i>Đạt loại yếu: 0</i>				
7.4.2	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015	2.0			- Kết quả đánh giá hàng năm của Sở KH-CN
	<i>Áp dụng đạt loại tốt: 2.0</i>				
	<i>Áp dụng đạt loại khá: 1.0</i>				
	<i>Áp dụng đạt loại trung bình: 0.5</i>				
	<i>Áp dụng đạt loại yếu: 0.</i>				
<b>8</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KTXH</b>	<b>5.5</b>			
8.1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ kinh doanh thành lập mới trong năm	2.0			- Báo cáo năm CCHC; kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch
	<i>Tăng từ 20% trở lên so với năm liền kề: 2.0</i>				
	<i>Tăng từ 5%- dưới 20% so với năm liền kề: 1.0</i>				
	<i>Tăng dưới 5% so với năm liền kề: 0.0</i>				
8.1.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã theo Kế hoạch được UBND huyện giao	2.5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Vượt chỉ tiêu được giao: 2.5</i>				- Báo cáo năm CCHC; kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch
	<i>Hoàn thành chỉ tiêu được giao: 1.0</i>				
	<i>Không hoàn thành: 0.0</i>				
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100.00</b>			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
Số ~~2387~~ QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Đắk Glong, ngày 12 tháng 10 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập tổ soạn thảo Quy định đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) Ủy ban nhân dân cấp xã huyện Đắk Glong

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị Quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch CCHC huyện Đắk Glong giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Phòng Nội vụ huyện Đắk Glong.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Tổ soạn thảo Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC Ủy ban nhân dân cấp xã huyện Đắk Glong gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Đoàn Văn Phương - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Phó Trưởng Ban chỉ đạo CCHC huyện, Tổ trưởng;
2. Ông Trần Quốc Hiền - Trưởng Phòng Nội vụ, Tổ phó;
3. Ông Nguyễn Tiến Duẩn - Phó Trưởng Phòng Nội vụ, Tổ phó;
4. Ông Nguyễn Xuân Thế - Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND huyện, Thành viên;
5. Ông Đinh Quốc Huy - Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND huyện, Thành viên;
6. Ông Nguyễn Văn Dũng - Chuyên viên Phòng Tư pháp, Thành viên;
7. Ông Sử Việt Cường - Chuyên viên Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Thành viên;

8. Ông Võ Trần Sanh - Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thành viên;

9. Ông Trần Duy Đại - Chuyên viên Phòng Nội vụ, Thành viên kiêm Thư ký.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ soạn thảo

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng dự thảo Quy định ban hành quy định đánh giá, xác định Chi số CCCH Ủy ban nhân dân cấp xã huyện Đắk Glong.

Tiếp thu, tổng hợp các ý kiến góp ý của Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC huyện, các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với dự thảo Quy định.

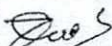
Kinh phí hoạt động của Tổ soạn thảo do ngân sách huyện cấp theo quy định của Nhà nước, trong kinh phí Cải cách hành chính giao cho Phòng Nội vụ năm 2021.

Tổ soạn thảo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (thay báo cáo);
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, đ/c Đoàn Văn Phương - PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, NV. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Người ký: Ủy ban nhân dân  
huyện Đắk Glong  
Email:  
dakglong@daknong.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông  
Thời gian ký: 12.10.2021  
10:45:29 +07:00



**Trần Nam Thuận**